

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO THẮNG  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:48/2018/HS-ST  
Ngày 30-10-2018

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Thu Hương và bà Lý Thị Dín.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

**1.Vũ Đức Q** - Sinh ngày: 30 tháng 12 năm 1986 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKH và nơi ở trước khi bị bắt: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức T - Sinh năm: 1940 (đã chết) và bà Phạm Thị T - Sinh năm: 1943 hiện trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Vợ là Hà Thị Thu H - Sinh năm: 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh tháng 10/2018 đều trú tại: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/4/2018, tạm giam ngày 05/5/2018 hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

Nhân thân: Tại bản án số 377/2012/HSST ngày 28/11/2012 của Tòa án nhân dân quận Hà Đ, thành phố Hà Nội xử phạt Vũ Đức Q 33 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội là 54 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2012. Ngày 31/8/2015 Vũ Đức Q được đặc xá theo Quyết định đặc xá số 291/GCNDX ngày 31/8/2015 của Trại giam Ninh Khánh - Tổng cục VIII Bộ Công an, bị cáo đã được xóa án tích theo quy định- Có mặt.

**2.Vũ Duy Đ** - Sinh ngày: 10 tháng 10 năm 1994 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKH và nơi ở trước khi bị bắt: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái

Bình; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; con ông Vũ Duy K - Sinh năm: 1965 và bà Lê Thị H - Sinh năm: 1969 đều trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/5/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai.

Nhân thân: Trước khi bị bắt, bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý hành C - Có mặt.

*Nguyên đơn dân sự:* Công ty TNHH MTV S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đức H - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu T - Chức vụ: Phó phòng tổ chức hành C (Văn bản ủy quyền số 01 ngày 28/4/2018).

Địa chỉ: phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi làm việc: Công ty TNHH MTV S (Khu Công nghiệp T, huyện B, tỉnh Lào Cai) - Có mặt.

*Người làm chứng:* Anh Vũ Đức Lào - Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt.

Chị Hà Thị Thu Hà - Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình - vắng mặt.

Ông Vũ Duy Khắc - Sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình - có mặt.

Ông Lê Dương Lễ - Sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nên ngày 08/4/2018, Vũ Duy Đ cùng vợ chồng Vũ Đức Q từ Thái Bình lên nhà hàng T của vợ chồng Q để làm việc. Khoảng 16 giờ ngày 10/4/2018 Q dắt xe máy Yamaha Sirius BKS 18C1-062.64 ra khỏi nhà hàng mục đích đi quan sát để trộm cắp tài sản. Đ hỏi Q đi đâu và Q rủ Đ đi cùng. Sau đó Q điều khiển xe mô tô chở Đ đến khu vực Công ty TNHH MTV S ở huyện B, tỉnh Lào Cai, Q rủ Đ trộm cắp tài sản của Công ty và Đ đồng ý. Tuy nhiên cả hai quay về thành phố Lào Cai, sau đó Q về Thái Bình và rủ C cùng trộm cắp tài sản. Khoảng 15 giờ ngày 16/4/2018, Q điện thoại cho Vũ Đức Lào là em ruột của Q, qua đó Q nói với Đ và dặn mua gang tay, khẩu trang chuẩn bị trộm cắp tài sản, Đ không nói cho Lào biết. Đ đã mua 02 đôi gang tay len và 02 khẩu trang, khoảng 17 giờ cùng ngày, Q và C đi xe khách từ Thái Bình lên Lào Cai, khi về gần nhà hàng ở phường Bắc Cường thì gặp Đ đang điều khiển xe mô tô. Q bảo C và Đ đợi, Q đi xe mô tô về số nhà 122 phường Bắc Cường lấy 02 xà cày, 01 tua vít, quần áo cho vào 02 bao tải màu vàng. Sau đó Q giao cho Đ 01 điện thoại Nokia 3310 màu vàng trắng, số thuê bao 01285.126.981 và dặn Đ dùng để liên lạc trong quá trình trộm cắp tài sản. Q điều khiển xe mô tô chở Đ và C đi, khi đến khu vực Công ty Supe lân Apromaco Lào Cai, Q dừng xe và

bảo Đ ngồi ở dãy nhà trọ để trông xe và thấy có biến động gì thì gọi điện cho Q biết. Q và C thay quần áo, đeo găng tay, đội mũ bảo hiểm, cầm theo xà xầy, tua vít, bao tải trèo qua cổng sắt đi lên phòng kế toán - tài C và ngồi ở cầu thang quan sát, nghe ngóng, gần một giờ sau, Q lấy chiếc xà cây cạy cửa gỗ và vào phòng; trong phòng có 01 két sắt Hòa Phát, Q và C lật ngửa két sắt ra, lấy một số giấy tờ kê bên dưới két, C lấy 01 chén nước đổ vào khóa két, cả hai dùng xà cây cạy cánh cửa két nhưng không được. Q tìm được một chiếc xà beng và cả hai thay nhau cạy cửa két sắt, đến khi mở rộng được khoảng 10cm, sau đó lấy thanh kim loại ở giỏ hoa trong phòng bẻ thành hai đoạn để kéo bọc nylon và khều từng tờ tiền ra ngoài cho vào túi quần. Sau khi lấy được tiền, Q và C cầm xà cây, tua vít đi ra, cả ba đi về thành phố Lào Cai, khi qua đập tràn xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng thì C vứt một xà cây xuống suối. Đến khu vực trạm điện 220KW xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng, Q lấy tiền đã trộm cắp ra đếm được khoảng hơn 100 triệu đồng, Q chia cho C 30.000.000 đồng, Đ 15.000.000 đồng, còn lại phần Q. Khi đến khu vực xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, Q bảo Đ giấu 01 xà cây và tua vít được quần vào bao tải ở gốc cây ổi bên trái đường và cả ba đi về nhà Q. Sau đó Đ ở lại Lào Cai, C và Q về Thái Bình. Nguyễn Văn C đã bỏ trốn khỏi địa phương, Vũ Đức Q bị Công an tỉnh Thái Bình bắt về tội “Trộm cắp tài sản” tại địa bàn tỉnh Thái Bình. Đối với số tiền được chia thì Đ khai đã gửi C mang về cho gia đình 9.000.000 đồng, mua 01 điện thoại Sam sung Galaxy J7 Pro + bọc điện thoại và sim hết 5.090.000đ, số tiền còn lại Đ chi tiêu hết. Công ty TNHH MTV S đã có đơn đề nghị Công an giải quyết. Quá trình điều tra, Đ và Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Đ đã giao nộp 01 điện thoại Sam sung Galaxy J7 Pro, cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng có liên quan đến vụ án. Tài sản mà các bị cáo trộm cắp của Công ty TNHH MTV S là 100.487.500 đồng.

Tại Kết luận số 25/KL-HĐĐG ngày 19/7/2018 của Hội đồng định giá tổ tụng hình sự huyện Bảo Thắng kết luận: 01 két sắt loại két chống lửa, nhãn hiệu Hòa Phát có giá trị là 6.415.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 12/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố bị cáo Vũ Đức Q và bị cáo Vũ Duy Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự năm 2015;

Về trách nhiệm hình sự: xử phạt bị cáo Vũ Đức Q từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù; xử phạt Vũ Duy Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 288, 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015 buộc các bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV S số tiền 100.000.000 đồng, xác nhận các bị cáo đã bồi thường 70.000.000 đồng, bị cáo Q và bị cáo Đ phải có nghĩa vụ liên đới bồi

thường số tiền là 30.000.000 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải bồi thường cho công ty là 15.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy vật chứng là: 02 chiếc xà cày, 01 tua vít, bao tải, xà beng, đoạn kim loại, giỏ hoa khung kim loại, găng tay, chén sứ; Tuyên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước điện thoại Nokia 3310 của Vũ Đức Q; Tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro của Vũ Duy Đ; Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các bị cáo, nguyên đơn dân sự theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Đức Q và Vũ Duy Đ đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của Công ty TNHH MTV Supe lân Apromaco Lào Cai, tổng số tiền là 100.487.500 đồng.

Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Vũ Đức Q giữ vai trò chủ mưu, khởi xướng, chủ động rủ Đ và C đi trộm cắp tài sản; Q cũng chủ động chuẩn bị công cụ, phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Q giữ vai trò C trong vụ án. Bị cáo Vũ Duy Đ là người được Q rủ đi trộm cắp tài sản nhưng đã không can ngăn mà nhận lời ngay, sau đó mua găng tay, khẩu trang để Q sử dụng khi trộm cắp tài sản và đứng ngoài cảnh giới nên phải chịu trách nhiệm với vai trò giúp sức trong vụ án. Quá trình điều tra, các bị cáo Q và Đ đều khai Nguyễn Văn C là người được Q rủ đi trộm cắp tài sản và trực tiếp cùng Q lấy trộm tài sản của Công ty Supe lân Apramaco Lào Cai. Do Nguyễn Văn C đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, cơ quan điều tra đã xác minh và ra Quyết định truy nã, Quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với Nguyễn Văn C, khi nào bắt được sẽ phục hồi điều tra xử lý theo quy định của pháp luật, xét thấy là phù hợp, không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo Vũ Đức Q và Vũ Duy Đ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố các bị cáo ra trước tòa hôm nay về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo Q và Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động, vì muốn có tiền tiêu sài nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị cáo Q thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn tỉnh Thái Bình, Công an tỉnh Thái Bình đã có kết luận điều tra vụ án và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết theo quy định, vụ án chưa được đưa ra xét xử. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo phải xử được xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên trong vụ án này, hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo Q và bị cáo Đ đã tác động gia đình bồi thường cho Công ty supe lân Apromaco Lào Cai để khắc phục hậu quả; Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Q có mẹ già, vợ mới sinh con nhỏ, không có việc làm ổn định; Đại diện Công ty có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về các vấn đề có liên quan trong vụ án:

Quá trình điều tra xác định ông Vũ Duy Khắc và bà Lê Thị Hằng là bố mẹ đẻ của bị cáo Vũ Duy Đ không được nhận bất cứ khoản tiền, vật chất nào liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên không đề cập xử lý trách nhiệm đối với ông Khắc và bà Hằng là phù hợp.

Đối với chị Hà Thị Thu Hà là vợ của bị cáo Q, anh Vũ Đức Lào là em trai của bị cáo Q, quá trình điều tra xác định: chị Hà, anh Lào không biết và không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo; Việc bị cáo Đ nhờ anh Lào dùng chứng minh nhân dân để mua sim lắp vào điện thoại Sam sung Galaxy J7 Pro thì anh Lào không biết nguồn gốc số tiền Đ mua điện thoại do trộm cắp mà có. Vì vậy không đề cập xử lý trách nhiệm đối với chị Hà, anh Lào là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Công ty TNHH MTV S bị mất số tiền 100.487.500 đồng nhưng Công ty chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường 100.000.000 đồng và cho các bị cáo 487.500 đồng; Bị cáo Q đã tác động gia đình bồi thường cho công ty 55.000.000 đồng; Bị cáo Đ tác động gia đình bồi thường cho Công ty số tiền 15.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng, công ty đã nhận đủ số tiền 70.000.000 đồng và có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Gia đình các bị cáo cũng có đơn tự nguyện bồi thường và không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra Công ty S yêu cầu Nguyễn Văn C phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, sau đó công ty có đơn yêu cầu bị cáo Đ và bị cáo Q phải có trách nhiệm bồi thường 30.000.000 đồng còn lại. Tại phiên tòa, bị cáo Q và bị cáo Đ cũng nhất trí bồi thường theo yêu cầu của Công ty. Xét thấy yêu cầu này là có căn cứ cần chấp nhận, buộc bị cáo Vũ Đức Q và Vũ Duy Đ phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Công ty số tiền 30.000.000 đồng, khi nào bắt được Nguyễn Văn C thì bị cáo Q và bị cáo Đ có quyền khởi kiện dân sự yêu cầu C phải hoàn trả lại số tiền mà Q và Đ đã bồi thường thay cho C trong vụ án này.

Đối với chiếc kết sắt Hòa Phát trị giá 6.415.000đ, Công ty Supe lân Apromaco Lào Cai có nguyện vọng nhận lại kết để sửa chữa và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

[4] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc kết sắt Hòa Phát và 01 quyển sổ ghi chép bìa da màu đỏ cùng các

giấy tờ cho công ty đến nay công ty không có ý kiến gì về vật chứng đã nhận nên không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô Yamaha Sirius màu xanh bạc có số khung RLCUE3210 GY006946, số máy đã bị cào mất được lắp biển kiểm soát 18C1- 062.64 mà bị cáo Q dùng làm phương tiện phạm tội. Q khai mua một người không quen biết ở thành phố Lào Cai với giá 3.000.000 đồng. Kết quả điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của anh Đỗ Trung H (trú tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); Anh H khai bị mất trộm từ năm 2017, cơ quan điều tra Công an huyện Bảo Thắng đã bàn giao chiếc xe trên cho Công an thành phố C, tỉnh Quảng Ninh điều tra theo thẩm quyền xét thấy là phù hợp. Đối với BKS 18C1-062.64 thuộc sở hữu của chị Vũ Thị Diễm H (trú tại huyện V, tỉnh Nam Định) Công an huyện B có văn bản với Công an huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định để xem xét điều tra theo thẩm quyền là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại Trung Q là loại máy đen trắng kèm theo sim Viettel mà Vũ Đức Q dùng để liên lạc với Vũ Đức Lào, qua đó nói chuyện với Vũ Duy Đ nhưng Q không nhớ số thuê bao và 01 bao tải màu vàng sử dụng khi phạm tội, do bị cáo Q đã đánh rơi điện thoại và bao tải không rõ ở đâu, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

Vật chứng còn lại của vụ án gồm: 02 chiếc xà cày bằng thép xoắn; 01 tô vít cán bằng nhựa; 01 bao tải màu vàng; 01 xà beng lục lăng; 02 đoạn kim loại bọc nhựa; 01 giỏ hoa khung kim loại đan nan nhựa; 01 găng tay len màu trắng; 01 chén sứ, dây đều là vật chứng của vụ án nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu xanh mà Vũ Duy Đ mua sau khi được Q chia 15.000.000 đồng nhưng Đ đã tác động gia đình bồi thường cho Công ty 15.000.000 đồng nên cần trả lại điện thoại này cho Đ. Tuy nhiên do Đ còn phải tiếp tục bồi thường cho Công ty nên cần tạm giữ điện thoại để đảm bảo thi hành án;

Đối với điện thoại Nokia 3310 vỏ màu vàng, trắng bên trong lắp sim Mobiphone số 01285.126.981 và 01 sim Viettel của bị cáo Vũ Đức Q đã được cho Vũ Duy Đ sử dụng để liên lạc trong quá trình trộm cắp tài sản cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Đức Q và Vũ Duy Đ phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên, các bị cáo, nguyên đơn dân sự:

Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa để quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa thì các bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại phiên tòa và không có ý kiến gì khác. Tại phiên tòa, các bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 tuyên bố bị cáo Vũ Đức Q và bị cáo Vũ Duy Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Vũ Đức Q 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2018; xử phạt bị cáo Vũ Duy Đ 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 288, 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo Vũ Đức Q và bị cáo Vũ Duy Đ phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV S số tiền là 100.000.000 đồng; Xác nhận bị cáo Q và bị cáo Đ đã bồi thường 70.000.000 đồng, các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 30.000.000 đồng, nghĩa vụ theo phần cụ thể như sau: Bị cáo Q phải có nghĩa vụ bồi thường 15.000.000 đồng và bị cáo Đ có nghĩa vụ bồi thường 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu để tiêu hủy: 01 chiếc xà cây bằng thép xoắn đường kính 2,5cm, dài 56,5cm, một đầu dẹt, đầu còn lại cong dẹt dài 9cm và được tách đôi thành khe hở rộng 0,7cm; 01 chiếc xà cây bằng thép xoắn dài 72cm, một đầu dẹt thẳng, đầu còn lại cong dẹt dài 10cm; 01 tô vít cán bằng nhựa màu vàng đen có chiều dài 30cm; 01 bao tải màu vàng; 01 xà beng lục lăng đường kính 3cm, dài 130cm; 02 đoạn kim loại bọc nhựa màu trắng dài lần lượt là 40cm và 31cm; 01 giỏ hoa khung kim loại đan nan nhựa; 01 găng tay len màu trắng; 01 chén sứ có kích thước 1,5cm x 2cm;

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Nokia 3310 vỏ màu vàng, trắng bên trong lắp sim Mobiphone số 01285.126.981 và 01 sim Viettel của bị cáo Vũ Đức Q.

Tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu xanh, số Imei 353317092135491, kèm theo sim mang Vinaphone số 01275. 121.940 của bị cáo Vũ Duy Đ;

Toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/9/2018.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Vũ Đức Q và bị cáo Vũ Duy Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và vắng mặt nguyên đơn dân sự, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án;*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai; VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Bảo Thắng;
- Công an huyện Bảo Thắng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- PC (81); Sở tư pháp;
- Bị cáo (2); Nguyên đơn dân sự;
- THA (2); Lưu HS, TA, THS, VP.

**Nguyễn Thị Hoàng Liên**



















































































































































































































































































